

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 12 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**BÀI THI 8 (C-II): NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH PHẠNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
01	Đỗ Kim Anh	01	7,0	Bảy	
02	Hoàng Thị Hồng Anh	02	7,5	Bảy rưỡi	
03	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03	8,0	Tám	
04	Triệu Thị Quỳnh Anh	04	7,5	Bảy rưỡi	
05	Hoàng Tuấn Anh	05	7,0	Bảy	
06	Nguyễn Thị Vân Anh	06	7,0	Bảy	
07	Dương Thị Bộ	07	7,5	Bảy rưỡi	
08	Ngô Thị Chiêm	08	7,0	Bảy	
09	Nguyễn Văn Chính	09	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Chung	10	7,0	Bảy	
11	Đàm Duy Cường	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Triệu Tiến Cường	12	-	-	Thôi học
13	Lê Thị Du	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Hà Thị Dung	14	8,0	Tám	
15	Trịnh Hữu Dương	15	7,5	Bảy rưỡi	
16	Hoàng Thị Bích Duyên	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Mai Hồng Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Hoàng Lệ Hà	18	7,0	Bảy	
19	Dương Thị Thanh Hải	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Hoàng Thị Hảo	20	8,0	Tám	
21	Bế Thị Hậu	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Hà Xuân Hiến	22	7,0	Bảy	
23	Chu Thị Thu Hiền	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Triệu Trung Hiếu	24	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
25	Hoàng Bích Hồng	25	7,0	Bảy	
26	Nguyễn Thị Huế	26	7,0	Bảy	
27	Nguyễn Đức Huế	27	7,0	Bảy	
28	Vi Thị Dương Huệ	28	7,0	Bảy	
29	Nguyễn Nam Hưng	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Triệu Thị Hương	30	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nông Văn Hữu	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nông Thị Bích Huyền	32	7,0	Bảy	
33	Chu Thị Kiên	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Triệu Thị Lam	34	7,0	Bảy	
35	Nguyễn Quang Lâm	35	7,0	Bảy	
36	Hoàng Thị Lan	36	8,0	Tám	
37	Lù Thị Lan	37	7,0	Bảy	
38	Hoàng Thị Liên	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Triệu Thị Loan	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Hồ Ngọc Long	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Lê Văn Lý	41	7,0	Bảy	
42	Phan Thị Mai	42	8,0	Tám	
43	Lê Văn Mạnh	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Lương Văn Năng	44	7,5	Bảy rưỡi	
45	Dương Thị Minh Nga	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Đỗ Văn Nghị	46	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Minh Nghĩa	47	7,0	Bảy	
48	Hà Thị Ngọt	48	7,5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Hương Nhài	49	7,0	Bảy	
50	Hoàng Thị Nhài	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Hồng Nhạn	51	8,0	Tám	
52	Hoàng Văn Nhuận	52	7,0	Bảy	
53	Nguyễn Kim Oanh	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Ngọc Phú	54	7,0	Bảy	
55	Nguyễn Thị Phương	55	7,5	Bảy rưỡi	
56	Chu Huệ Quyên	56	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
57	Ngô Thị Quyên	57	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Trường San	58	7,0	Bảy	
59	Liêu Văn Sơn	59	7,0	Bảy	
60	Triệu Thị Tâm	60	7,5	Bảy rưỡi	
61	Lê Đình Thắng	61	7,0	Bảy	
62	Đỗ Văn Thanh	62	7,5	Bảy rưỡi	
63	Trần Hiền Thành	63	7,0	Bảy	
64	Vì Quang Thảo	64	7,0	Bảy	
65	Lộc Thị Thạo	65	8,0	Tám	
66	Bế Thị Thu	66	7,5	Bảy rưỡi	
67	Vũ Thị Minh Thu	67	8,0	Tám	
68	Lê Hữu Thức	68	7,0	Bảy	
69	Bùi Thị Thu Thủy	69	7,5	Bảy rưỡi	
70	Trần Thị Huyền Trang	70	8,0	Tám	
71	Phạm Thành Trí	71	7,5	Bảy rưỡi	
72	Đặng Thị Tuyết Trinh	72	8,0	Tám	
73	Hoàng Anh Tuấn	73	7,5	Bảy rưỡi	
74	Chu Văn Tuấn	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Hoàng Thị Túế	75	7,0	Bảy	
76	Nguyễn Thanh Tùng	76	7,0	Bảy	
77	Vũ Thị Hồng Vân	77	7,0	Bảy	
78	Liêu Đức Vinh	78	7,0	Bảy	
79	Nguyễn Văn Vượng	79	7,0	Bảy	
80	Chu Thị Thanh Xuân	80	8,0	Tám	

KHOA NN&PL
TRƯỜNG KHOA



Lê Minh Hường

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Hồng Mây